

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án Nhà máy giày Cẩm Ngọc tại xã Cẩm Ngọc, huyện Cẩm Thủy, tỉnh Thanh Hóa của Công ty cổ phần Phát triển PMT

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 ngày 17/11/2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Quyết định số 1149/QĐ-UBND ngày 04/4/2022 của UBND tỉnh về việc ủy quyền cho Sở Tài nguyên và Môi trường tổ chức thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường; giấy phép môi trường; phương án cải tạo, phục hồi môi trường của các dự án đầu tư trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa thuộc thẩm quyền của UBND tỉnh;

Căn cứ Quyết định số 896/QĐ-UBND ngày 13/3/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc chấp thuận chủ trương đầu tư Dự án Nhà máy may xuất khẩu Cẩm Ngọc tại xã Cẩm Ngọc, huyện Cẩm Thủy; Quyết định số 1609/QĐ-UBND (điều chỉnh lần thứ 1 ngày 11/5/2022) và Quyết định số 2662/QĐ-UBND (điều chỉnh lần thứ 2 ngày 05/08/2022) của UBND tỉnh Thanh Hóa về việc chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư Dự án Nhà máy may xuất khẩu Cẩm Ngọc tại xã Cẩm Ngọc, huyện Cẩm Thủy;

Xét Văn bản số 9307/STNMT-BVMT ngày 20/10/2022 của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường Thanh Hóa về kết quả thẩm định báo cáo ĐTM dự án “Nhà máy giày Cẩm Ngọc tại xã Cẩm Ngọc, huyện Cẩm Thủy, tỉnh Thanh Hóa”;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 942/Tr-STNMT ngày 30/10/2022.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án Nhà máy giày Cẩm Ngọc tại xã Cẩm Ngọc, huyện Cẩm Thủy, tỉnh Thanh Hóa (sau đây gọi là dự án) của Công ty cổ phần Phát triển PMT

(sau đây gọi là Chủ dự án) thực hiện tại xã Cẩm Ngọc, huyện Cẩm Thủy, tỉnh Thanh Hóa, với các nội dung, yêu cầu về bảo vệ môi trường ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện quy định tại Điều 37 Luật Bảo vệ môi trường và Điều 27 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường chịu trách nhiệm trước pháp luật và trước UBND tỉnh về kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án Nhà máy giấy Cẩm Ngọc tại xã Cẩm Ngọc, huyện Cẩm Thủy, tỉnh Thanh Hóa của Công ty cổ phần Phát triển PMT thực hiện tại xã Cẩm Ngọc, huyện Cẩm Thủy, tỉnh Thanh Hóa

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Chủ tịch UBND huyện Cẩm Thủy, Giám đốc Công ty cổ phần Phát triển PMT và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3, QĐ;
- Bộ TN&MT (để b/c);
- UBND xã Cẩm Ngọc (để giám sát);
- Các ngành có liên quan;
- Lưu: VT, CCBVMT, PgNN.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Lê Đức Giang

Phụ lục
CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
Dự án Nhà máy giày Cẩm Ngọc tại xã Cẩm Ngọc, huyện Cẩm Thủy,
tỉnh Thanh Hóa của Công ty cổ phần Phát triển PMT

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2022 của
Chủ tịch UBND tỉnh)

1. Thông tin về dự án:

1.1. Thông tin chung:

- Tên dự án: Nhà máy giày Cẩm Ngọc.
- Địa điểm thực hiện: Xã Cẩm Ngọc, huyện Cẩm Thủy, tỉnh Thanh Hóa.
- Chủ dự án đầu tư: Công ty cổ phần Phát triển PMT
- + Người đại diện: Ông Bùi Đức Quyền
- + Chức vụ: Giám đốc
- + Địa chỉ: xã Cẩm Ngọc, huyện Cẩm Thủy, tỉnh Thanh Hóa.

1.2. Phạm vi, quy mô, công suất:

- Phạm vi: Dự án Nhà máy giày Cẩm Ngọc được thực hiện trên khu đất thuộc địa giới hành chính xã Cẩm Ngọc, huyện Cẩm Thủy, tỉnh Thanh Hóa với tổng diện tích 22.500 m², trong đó, đất công trình xây dựng: 11.853,61 m²; đất cây xanh, thảm cỏ: 3.725,44 m²; đất sân đường, vỉa hè nội bộ: 6.920,95 m².
- Quy mô sản xuất: 1.900.000 sản phẩm/năm (01 sản phẩm gồm 01 đôi mũ giày và 01 đôi đế giày).

1.3. Các hạng mục công trình và hoạt động của dự án đầu tư

- Các hạng mục công trình:
 - + Các hạng mục công trình chính: 02 Nhà xưởng số 1, 2 (02 tầng, diện tích 3.780 m²/nhà);
 - + Các hạng mục công trình phụ trợ: 01 Nhà ăn ca (02 tầng, diện tích 664 m²); 01 Nhà nghỉ ca công nhân (03 tầng, diện tích 500 m²); 01 Nhà xe công nhân (03 tầng, diện tích 1.312,5 m²); 04 Nhà vệ sinh (02 tầng, tổng diện tích 229,75 m²); 02 Nhà tủ điện phân phối (01 tầng, diện tích 20 m²); 01 Nhà y tế tổng vụ (01 tầng, diện tích 80 m²); 01 Nhà điện (02 tầng, diện tích 576 m²); 01 Nhà bảo vệ (01 tầng, diện tích 20 m²); 01 Bể nước sạch (diện tích 144 m²); các công trình phụ trợ khác.
 - + Các hạng mục công trình bảo vệ môi trường: Hệ thống thoát nước mưa, nước thải, hệ thống xử lý nước thải tập trung (công suất: 150 m³/ngày đêm); kho chứa chất thải,...
- Hoạt động của dự án:
 - + Xây dựng các công trình phục vụ Dự án;
 - + Vận hành Dự án: Sản xuất các bán thành phẩm giày bao gồm mũi giày và đế giày.

1.4. Các yếu tố nhạy cảm về môi trường: không

2. Hạng mục công trình và hoạt động của dự án đầu tư có khả năng tác động xấu đến môi trường.

- Giai đoạn thi công xây dựng: Hoạt động thi công xây dựng các công trình của dự án, hoạt động vận chuyển nguyên vật liệu, hoạt động của máy móc, thiết bị trên công trường, hoạt động của công nhân tham gia thi công xây dựng... Các hoạt động này sẽ phát sinh bụi, khí thải, nước thải xây dựng, nước thải sinh hoạt, chất thải rắn xây dựng, chất thải rắn sinh hoạt, chất thải nguy hại, tiếng ồn, độ rung, ảnh hưởng đến thủy lợi...; tác động đến dân cư và các yếu tố tự nhiên, xã hội khác.

- Giai đoạn vận hành: Hoạt động sản xuất, vận chuyển nguyên vật liệu, sản phẩm, sinh hoạt của công nhân, ... Các hoạt động này sẽ phát sinh bụi, khí thải, nước thải sinh hoạt, nước thải sản xuất, chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn sản xuất, chất thải nguy hại..., tác động đến công nhân, môi trường tự nhiên và các yếu tố xã hội khác.

3. Dự báo các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh theo các giai đoạn của dự án đầu tư

3.1. Giai đoạn thi công xây dựng

3.1.1. Nước thải, khí thải:

3.1.1.1. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của nước thải:

- Nước thải sinh hoạt công nhân phát sinh khoảng 1,55 m³/ngày (bao gồm nước rửa tay, chân 1 m³/ngày; nước nhà vệ sinh 0,42m³/ngày; nước thải nhà bếp 0,13m³/ngày). Thành phần chủ yếu: chất rắn lơ lửng, các hợp chất hữu cơ, Coliform.

- Nước thải phát sinh từ quá trình rửa lớp xe khoảng 3,0m³/ngày. Thành phần chủ yếu: cặn lơ lửng, dầu mỡ.

- Nước mưa chảy tràn tại khu vực công trường thi công có lưu lượng tối đa 242m³/h. Thành phần chủ yếu: bùn đất, rác thải.

3.1.1.2. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của bụi, khí thải:

- Bụi và khí thải phát sinh từ hoạt động vận chuyển nguyên vật liệu thi công các hạng mục hạ tầng kỹ thuật gồm: bụi và khí thải từ phương tiện vận chuyển nguyên vật liệu phục vụ thi công dự án, bụi cuốn theo lớp xe. Thành phần chủ yếu: bụi vô cơ, khí CO, SO₂, NO₂ và VOC.

- Bụi và khí thải từ hoạt động thi công các hạng mục hạ tầng kỹ thuật gồm: bụi từ đào đắp trên công trường, trút đổ nguyên vật liệu, thi công công trình, bụi và khí thải từ các máy móc thiết bị tiêu thụ dầu DO, bụi từ hoạt động vệ sinh móng đường cấp phối đá dăm trước khi đổ bê tông, ... Thành phần gồm bụi vô cơ, khí CO, SO₂, NO₂ và VOC.

3.1.2. Chất thải rắn, chất thải nguy hại:

3.1.2.1. Nguồn phát sinh, quy mô của chất thải rắn thông thường:

- Chất thải rắn sinh hoạt: Phát sinh khoảng 15,5 kg/ngày chủ yếu là thức ăn thừa của công nhân, nhựa, giấy, bìa carton, nilong, vỏ chai nhựa, vỏ hộp...

- Chất thải rắn xây dựng phát sinh trong quá trình thi công xây dựng

413,3 tấn đất, đá, cát và 108,5 tấn vật liệu xây dựng khác (sắt, vải vụn, nhựa, ván gỗ); chất thải vỏ bao bì xi măng 0,4 tấn.

3.1.2.2. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của chất thải nguy hại:

- Khối lượng chất thải rắn nguy hại phát sinh khoảng 45 kg/giai đoạn thi công, chủ yếu là giẻ lau dính dầu, pin, bóng đèn neon.

- Khối lượng dầu thải từ các phương tiện thi công dự án tối đa tại công trường tối đa 105 lít/giai đoạn thi công.

3.1.3. Tiếng ồn, độ rung và các tác động khác:

Tác động do tiếng ồn, độ rung từ hoạt động thi công và vận chuyển nguyên nhiên vật liệu; các rủi ro, sự cố môi trường như: cháy nổ, an toàn lao động,...

3.2. Giai đoạn vận hành

3.2.1. Nước thải, khí thải:

3.2.1.1. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của nước thải:

- Nước thải sinh hoạt phát sinh khoảng 101,0 m³/ngày (nước tắm rửa: 35,5m³/ngày đêm; nước nhà vệ sinh 35,5m³/ngày đêm; nước thải nhà ăn 30m³/ngày đêm). Thành phần chủ yếu: Chất rắn lơ lửng, váng dầu mỡ, các hợp chất hữu cơ, Coliform,...

- Nước thải từ quá trình vệ sinh dụng cụ pha chế keo, hóa chất, nước thải từ quá trình vệ sinh khung bản in khoảng 8 m³/ngày, thành phần chủ yếu: chất rắn lơ lửng, cặn keo, mực in ...

3.2.1.2. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của khí thải:

- Bụi từ quá trình sản xuất của nhà máy, không liên tục, chỉ tác động trong phạm vi nhà xưởng. Thành phần gồm bụi và hơi keo, hơi dung môi hữu cơ.

- Bụi và khí thải từ các phương tiện giao thông ra vào nhà máy: Thành phần gồm bụi vô cơ, khí CO, SO₂, NO₂ và VOC.

- Mùi thức ăn phát sinh tại khu vực bếp nhà ăn, bụi và khí SO₂, CO, NO₂ do sử dụng nhiên liệu gas.

- Các hơi khí độc hại như H₂S; NH₃; CH₄... phát sinh từ các công trình xử lý nước thải (công rãnh thoát nước thải), khu tập kết chất thải rắn.

3.2.2. Chất thải rắn, chất thải nguy hại:

3.2.2.1. Nguồn phát sinh, quy mô của chất thải rắn thông thường:

- Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh giai đoạn vận hành khoảng 635 kg/ngày, gồm các chất hữu cơ dễ phân huỷ: 445kg/ngày; chất thải có thể tái chế 63kg/ngày; chất thải có thể đốt cháy 63 kg/ngày; các chất thải tro khác 64kg/ngày;

- Chất thải rắn sản xuất phát sinh khoảng 394 kg/ngày, thành phần gồm: vụn vải, vụn da, vụn cao su, sản phẩm lỗi,...

- Chất thải từ bùn cặn từ hệ thống thu gom và xử lý nước thải khoảng 110,4 kg/ngày.

3.2.2.2. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của chất thải nguy hại:

- Chất thải nguy hại phát sinh trong quá trình vận hành dự án gồm: Bóng đèn neon, ắc quy, pin, vỏ chai lọ hóa chất khoảng 50kg/tháng; keo chết, mực in chết, bùn hệ thống xử lý nước thải sản xuất 300kg/tháng; than hoạt tính từ hệ thống xử lý hơi keo: 50kg/chu kỳ thay thế (3 tháng).

- Chất thải lỏng nguy hại là dầu thải trung bình hàng tháng là 20 lít/tháng; dung dịch hóa chất dư thừa khoảng 100 lít/tháng.

3.2.2.3. Tiếng ồn, độ rung và các tác động khác:

Tiếng ồn, độ rung phát sinh từ quá trình sản xuất; từ phương tiện ra vào nhà máy,... và các rủi ro, sự cố môi trường như: cháy nổ, an toàn lao động, hư hỏng hệ thống xử lý chất thải, ...

4. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của dự án

4.1. Giai đoạn thi công xây dựng

4.1.1. Các công trình và biện pháp thu gom, xử lý nước thải, khí thải:

4.1.1.1. Nước thải:

a. Các biện pháp thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt:

- Đối với nước thải từ quá trình rửa tay chân tay được thu gom dẫn về bể lắng (dung tích 3,4m³, kích thước: 1,5m x 1,5m x 1,5m; có đáy và thành được lót bằng vải địa kỹ thuật HDPE để chống thấm) để lắng và tái sử dụng để phun ẩm chống bụi khu vực công trường thi công dự án.

- Đối với nước thải nhà bếp được thu gom và dẫn vào 01 bể gạn dầu mỡ dung tích 50 lít sau đó nước được dẫn bể lắng dung tích 3,4m³ (cùng với nước vệ sinh tay chân) để lắng và tái sử dụng phun ẩm chống bụi khu vực công trường thi công dự án.

- Nước thải từ quá trình vệ sinh cá nhân (đại tiện, tiểu tiện): 0,42 m³/ngày được xử lý bằng 2 nhà vệ sinh di động đặt tại khu lán trại; hợp đồng với đơn vị chức năng định kỳ hút bùn cặn (tần suất 2 ngày/lần) bằng xe chuyên dụng.

b. Các biện pháp giảm thiểu tác động do nước thải xây dựng:

Nước thải từ quá trình vệ sinh thiết bị với lưu lượng 3,0m³/ngày, được thu gom và dẫn về hố lắng có thể tích 4,5m³ (kích thước D x R x H = 2x1,5x1,5m được xây dựng bằng cách đào hồ sau đó dùng vải địa kỹ thuật (HDPE) lót đáy và thành để chống thấm, bể được chia làm 2 ngăn bởi vách ngăn lưng, trong bể được bố trí 1 phao quay thu vớt dầu) để chứa và lắng nước thải vệ sinh máy móc, thiết bị thi công. Nước thải sau khi lắng được tái sử dụng để vệ sinh thiết bị và phun ẩm chống bụi khu vực công trường.

c. Các biện pháp giảm thiểu ô nhiễm do nước mưa chảy tràn:

- Khu vực bãi chứa nguyên vật liệu (đá, cát, xi măng, sắt thép...) phục vụ quá trình thi công xây dựng phải che chắn bằng bạt.

- Không để vật liệu xây dựng, vật liệu độc hại, dầu mỡ và chất thải nguy hại do các phương tiện vận chuyển và thi công gây ra, không để rò rỉ ra môi trường.

- Chất thải sinh hoạt và các chất thải được lưu chứa trong các dụng cụ lưu chứa, không xả rác ra mặt đất khu vực công trường, để tránh rác thải cuốn trôi theo nước mưa chảy tràn.

- Tạo hệ thống rãnh thoát nước mưa tạm có kích thước là Rộng x Sâu=50 x 50cm dọc theo chiều dài khu đất, khoảng cách giữa các rãnh tạm là 30m. Trên các rãnh tạm bố trí các hố ga tạm kích thước 1x1x1m để lắng bùn đất, khoảng cách giữa các hố ga 30m/hố ga. Nước mưa được thu gom và dẫn vào hệ thống mương thoát nước của khu vực là mương xây phía Tây Bắc dọc tuyến đường liên xã tiếp giáp dự án.

4.1.1.2. Đối với xử lý bụi, khí thải:

- Lắp dựng hàng rào tôn cao 2,5m, dài 450m tại ranh giới phía tiếp giáp với đường Quốc lộ 217 và tuyến đường liên xã.

- Trang bị đầy đủ bảo hộ lao động cho công nhân thi công trên công trường.

- Tưới ẩm khu vực thi công và tuyến đường Quốc lộ 217 và đường liên xã đoạn tiếp giáp dự án với tần suất 4 lần/ngày và thực hiện bổ sung khi bụi phát sinh nhiều.

- Thi công đúng kỹ thuật, san gạt lu lèn ngay sau khi trút đổ vật liệu san nền.

- Vận chuyển nguyên vật liệu trên các xe có bạt che phủ, chờ đúng tải trọng quy định, tuân thủ tốc độ di chuyển trên các tuyến đường.

- Khi thi công trong quá trình đào đắp, trút đổ vật liệu nếu quá khô phát sinh nhiều bụi, sẽ thực hiện tưới ẩm để dập bụi.

- Các phương tiện máy móc thi công trong dự án đảm bảo được kiểm định đúng quy định và bảo dưỡng thường xuyên; tuân thủ chế độ đăng kiểm theo quy định, việc sử dụng các phương tiện và máy móc đảm bảo còn niên hạn.

- Bố trí khu vực rửa xe máy và thiết bị thi công dự án trước khi ra khỏi khu vực công trường tại khu vực cổng ra vào công trường. Khu rửa xe được bố trí với diện tích 40m², được bê tông hóa mặt nền, có rãnh thoát nước và bể chứa nước rửa xe, bể lắng nước vệ sinh phương tiện. Xe vận chuyển đất và vật liệu xây dựng từ công trường trước khi ra khỏi công trường được xịt quả sạch lốp xe và bùn đất dính bên ngoài xe nếu có.

4.1.2. Các công trình, biện pháp quản lý chất thải rắn, chất thải nguy hại:

4.1.2.1. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn thông thường:

a. Đối với chất thải rắn sinh hoạt:

- Trang bị 04 thùng đựng rác có nắp đậy (dung tích 20 lít/thùng) tại vị trí lán trại công nhân để thu gom và lưu chứa rác thải sinh hoạt công nhân xây dựng.

- Toàn bộ rác thải sinh hoạt được hợp đồng với đơn vị chức năng vận chuyển và xử lý theo quy định với tần suất 01 ngày/lần.

b. Đối với chất thải rắn xây dựng:

- Vật liệu xây dựng rơi vãi được thu gom tái sử dụng làm vật liệu san lấp mặt bằng tại dự án.

- Các loại chất thải rắn như bìa carton, các mẫu sắt thừa, bao bì xi măng được thu gom hàng ngày và bán cho các cơ sở thu mua phế liệu trên địa bàn.

4.1.2.2. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải nguy hại:

- Trang bị 03 thùng chuyên dụng 200 lít/thùng để thu gom (trong đó 01 thùng chứa CTNH dạng lỏng và 02 thùng chứa CTNH dạng rắn). Các thùng chứa chất thải nguy hại đều có nắp đậy kín, bên ngoài thùng có biểu tượng cảnh báo nguy hại, có dán nhãn mác và được đặt trong góc nhà kho diện tích khoảng 10m².

- Hợp đồng với đơn vị có chức năng để vận chuyển xử lý chất thải nguy hại sau khi kết thúc thi công.

4.1.3. Công trình, biện pháp giảm thiểu tác động do tiếng ồn, độ rung:

- Hạn chế vận hành những máy móc thiết bị đồng thời để giảm tiếng ồn, độ rung cộng hưởng, nhất là vị trí gần các khu vực nhạy cảm.

- Hạn chế tối đa các máy móc, phương tiện thi công hoạt động đồng thời; tắt những máy móc hoạt động gián đoạn nếu thấy không cần thiết để giảm mức ồn tích lũy ở mức thấp nhất.

- Quy định tốc độ xe, máy móc thi công khi di chuyển trong công trường không quá 5km/h.

- Không tiến hành thi công vào khoảng thời gian từ 22 giờ ÷ 6 giờ ngày hôm sau và 11 giờ ÷ 13 giờ.

- Công nhân thi công tại các vị trí có tiếng ồn lớn, vận hành các thiết bị có độ ồn cao được trang bị nút tai chống ồn.

- Sử dụng đệm cóc để thi công các vị trí tiếp giáp các công trình nhà dân, không sử dụng lu máy, lu rung.

4.2. Giai đoạn vận hành

4.2.1. Các công trình và biện pháp thu gom, xử lý nước thải, khí thải:

4.2.1.1. Đối với thu gom và xử lý nước thải:

- Bố trí hệ thống thoát nước mưa và hệ thống thu gom nước thải tách riêng với hệ thống xử lý nước thải; thường xuyên thực hiện nạo vét, duy tu, bảo dưỡng định kỳ.

- Nước mưa chảy tràn sau khi thu gom bằng hệ thống máng thu nước mái, ống nhựa PVC, cửa thu nước được dẫn về hệ thống rãnh thoát nước mưa của dự án có các các hố gas để lắng cặn trước khi thoát ra mương thoát nước dọc đường bê tông liên xã phía Tây dự án.

- Nước thải nhà ăn được dẫn qua bể tách dầu mỡ 2 ngăn (gồm 20 bể có thể tích 0,1m³/bể) lắp đặt ngay dưới các chậu rửa tại khu bếp để tách mỡ trong nước thải, sau đó dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung của Nhà máy (công suất 150m³/ngày.đêm) để tiếp tục xử lý.

- Nước thải phát sinh từ nhà vệ sinh của cán bộ, nhân viên tại nhà máy được xử lý sơ bộ bằng 10 bể tự hoại 3 ngăn, sau đó được dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung của Nhà máy (công suất 150m³/ngày.đêm) để tiếp tục xử lý.

- Nước thải phát sinh từ rửa tay chân, tắm giặt được thu gom bằng đường ống PVC và hố ga, sau đó được dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung của Nhà máy (công suất 150m³/ngày.đêm) để tiếp tục xử lý.

- Nước sản xuất phát sinh từ quá trình rửa khung bản in, rửa dụng cụ pha chế keo được thu gom riêng, dẫn về hệ thống xử lý sơ bộ nước thải sản xuất (công suất 10m³/ngày.đêm) để xử lý sơ bộ (*công nghệ xử lý: Nước thải sản xuất* → *Bể gom nước thải sản xuất* → *Bể khuấy nhanh* → *Bể keo tụ* → *Bể lắng* → *Bể chứa nước thải sau xử lý*) sau đó dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung của Nhà máy (công suất 150m³/ngày.đêm) để tiếp tục xử lý.

- Toàn bộ nước thải sinh hoạt và nước thải sản xuất sau khi xử lý sơ bộ được dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung (công suất 150m³/ngày.đêm) để xử lý. Công nghệ xử lý nước thải của hệ thống XLNTTTT: *Nước thải sinh hoạt và sản xuất sau xử lý sơ bộ* → *Bể thu gom* → *Máy sàng rác* → *Bể điều hòa* → *Bể điều chỉnh PH* → *Bể khử Nitơ* → *Bể hiếu khí* → *Bể lắng sinh học* → *Bể trung gian* → *Bể khuấy nhanh* → *Bể keo tụ* → *Bồn lọc cát* → *Bồn lọc than* → *Bể khử trùng* → *Bể chứa nước* → *tái sử dụng/thải ra suối phía Tây dự án*.

- Nước sau khi xử lý đảm bảo đạt QCVN 14:2008/BTNMT (cột B) - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt; QCVN 40:2011/BTNMT (cột B) - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng thải công nghiệp, một phần được tái sử dụng tưới cây, đội nhà vệ sinh phần còn lại được xả thải theo đường ống HDPE D300 (do Nhà máy tự lắp đặt) ra suối phía Tây nhà máy (*đã được UBND xã Cẩm Ngọc thống nhất tại Văn bản 128/UBND-VP ngày 14/10/2022*).

- Khi trạm XLNT tập trung gặp sự cố, nước thải được thu gom vào 01 bể bể sự cố có thể tích khoảng 297m³, thời gian lưu nước 02 ngày, sau đó, bơm ngược lại về trạm xử lý nước thải tập trung để tiếp tục xử lý.

4.2.1.2. Đối với giảm thiểu bụi và khí thải:

- Đối với bụi, khí thải phát sinh từ hoạt động sản xuất:

+ Nhà xưởng sản xuất được bố trí hợp lý, cửa hệ thống thông gió, lắp đặt hệ thống quạt thông gió cưỡng bức tại các khu nhà xưởng.

+ Lắp đặt 2 hệ thống hút bụi cho các máy mài trong các khu vực dây chuyền mài để, theo sơ đồ công nghệ: Chụp hút bụi tại các máy mài → Quạt hút bụi → Cyclon khô thu bụi → ống thoát khí sạch; bụi thu được thu gom và hợp đồng vận chuyển xử lý cùng chất thải sản xuất.

+ Lắp 02 hệ thống quạt hút và xử lý hơi keo, hơi dung môi phát sinh trong quá trình pha chế keo, quét keo, theo sơ đồ công nghệ: Chụp hút tại khu vực pha chế keo, quét keo → Quạt hút → Bồn hấp thụ than hoạt tính → ống thoát khí sạch.

- Đối với hoạt động của các phương tiện ra, vào Nhà máy: Các phương tiện tham gia vận chuyển, ra, vào Nhà máy được bảo dưỡng định kỳ, đăng kiểm đúng hạn, tuân thủ đúng vận tốc quy định.

- Bê tông hóa các tuyến đường nội bộ để hạn chế phát sinh bụi trong nhà máy; Thường xuyên vệ sinh khu vực sân, đường nội bộ trong nhà máy

- Xây dựng hệ thống thu gom nước mưa, nước thải dạng kín, các hồ gas có nắp đậy; thường xuyên kiểm tra hệ thống thu gom, xử lý nước thải, nạo vét định kỳ tránh tình trạng tắc nghẽn, vỡ đường ống làm phát sinh mùi hôi thối.

- Bổ sung chế phẩm (BIO-S, BIO-Phốt) dạng bột vào hệ thống bể tự hoại để tăng hiệu quả xử lý, tránh bùn tắc bể và phát sinh mùi; Sử dụng hóa chất (như Oclean, Sumo, Davi - Star dạng bột) để thông tắc đường ống thoát nước thải. - Các thùng đựng rác đều có nắp và được đưa đi xử lý hàng ngày nhằm hạn chế sự phát tán mùi hôi do phân hủy các chất hữu cơ có trong rác thải.

- Trang bị đầy đủ bảo hộ lao động (khẩu trang, bao tay, nút tai chống ồn...) cho công nhân làm việc tại Nhà máy.

- Vào những ngày nắng nóng, hanh khô thực hiện phun nước trên tuyến đường nội bộ của nhà máy, để giảm thiểu bụi đường cuốn theo phương tiện vận chuyển.

- Trồng cây xanh khu vực Nhà máy, đặc biệt dọc tuyến đường nội bộ và khu vực xử lý nước thải.

4.2.2. Các công trình, biện pháp quản lý chất thải rắn thông thường

- *Chất thải rắn sinh hoạt*

+ Trang bị và sử dụng 30 thùng rác loại 100 lít/thùng, có nắp đậy dọc hành lang các nhà xưởng, khu nhà điều hành và khu nhà ăn, nhà nghỉ ca công nhân, nhà vệ sinh, 60 thùng rác loại 20- 30lit có nắp đậy được bố trí tại các phòng nhà điều hành, nhà nghỉ ca công nhân.

+ Yêu cầu CBCNV không được vứt rác bừa bãi, rác thải sinh hoạt được thu gom bỏ vào thùng chứa rác có nắp đậy.

+ Rác được công nhân vệ sinh thu gom và phân loại 2 lần/ngày về kho chứa CTR của dự án.

+ Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt đi xử lý với tần suất 1 lần/ngày.

- *Chất thải rắn sản xuất:*

+ Vải vụn, chỉ khâu vụn, cao su thừa (từ quá trình cắt, mài đế...): hàng ngày nhà máy thu gom, đóng vào bao chuyên về nhà kho chứa rác thải (diện tích 120 m²) tại phía Nam khu đất dự án; định kỳ hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định.

+ Kim khâu gãy sau khi thu gom được chuyển về kho chứa rác thải và chứa vào các thùng nhựa, đối với nilon, bao bì cotton,... được thu gom, tập trung về kho chứa rác thải sản xuất (diện tích 120 m²) tại phía Nam khu đất dự án; định kỳ bán phế liệu hoặc hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định.

+ Đối với sản phẩm lỗi được thu gom, xử lý theo yêu cầu của đơn vị đặt hàng hoặc hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định.

- Bùn thải từ hệ thống XLNTTT được định kỳ lấy mẫu phân tích đánh giá để phân định theo QCVN 50:2013/BTNMT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về

ngưỡng nguy hại đối với bùn thải từ quá trình xử lý nước thải. Nếu bùn thải không phải chất thải nguy hại được Công ty ký hợp đồng với đơn vị có chức năng xử lý chất thải công nghiệp định kỳ vào thu gom, vận chuyển đi xử lý theo quy định. Nếu bùn thải là chất thải nguy hại được Công ty ký hợp đồng với đơn vị có chức năng, giấy phép xử lý chất thải nguy hại định kỳ vào thu gom, vận chuyển đi xử lý theo đúng quy định về quản lý CTNH.

4.2.3. Các công trình, biện pháp quản lý chất thải nguy hại

- Xây dựng kho chứa CTNH có diện tích 20 m² được bố trí ở khu vực khu xử lý nước thải, bên trong bố trí từ 04 thùng chứa (thể tích 500l) có nắp đậy, được dán nhãn mác để lưu chứa chất thải nguy hại theo quy định.

- Định kỳ, hợp đồng với đơn vị chức năng đến thu gom, đưa đi xử lý theo quy định.

4.2.4. Biện pháp giảm thiểu ô nhiễm tiếng ồn, độ rung và ô nhiễm khác

- Thường xuyên kiểm tra và bảo dưỡng bảo trì các dây truyền thiết bị theo đúng định kỳ. Cân bằng máy khi lắp đặt, kiểm tra độ mòn chi tiết và thường xuyên tra dầu bôi trơn cho các máy.

- Khi có sự cố hỏng hóc trên các dây truyền hay máy, thiết bị sẽ dừng vận hành ngay và sửa chữa trước khi cho vào hoạt động lại.

- Trên các dây truyền máy móc thiết bị gây tiếng ồn lớn được lắp các thiết bị giảm âm là các đệm cao su được lót dưới chân đế các máy móc, thiết bị.

- Công nhân làm việc tại các công đoạn có độ ồn cao được trang bị nút tai chống ồn.

- Trang bị đầy đủ các thiết bị bảo hộ lao động chuyên dụng cho công nhân tham gia vận hành trên những dây truyền máy móc có tiếng ồn lớn như: nút tai chống ồn.

- Bố trí giờ làm hợp lý cho từng chuyền sản xuất để giảm mật độ người lao động ùn tắc trong những giờ cao điểm. Bố trí nhân viên bảo vệ hướng dẫn các phương tiện tại khu vực cổng ra vào của Nhà máy. Thường xuyên tuyên truyền nhắc nhở cán bộ, công nhân tuân thủ luật giao thông và đảm bảo an toàn giao thông.

- Trồng cây xanh trong khuôn viên Nhà máy để giảm thiểu bụi, tiếng ồn phát sinh từ hoạt động sản xuất tới môi trường xung quanh.

4.2.5. Biện pháp phòng ngừa, ứng phó với rủi ro, sự cố:

- Sự cố hệ thống xử lý chất thải: Thường xuyên theo dõi hoạt động và thực hiện bảo dưỡng định kỳ các hệ thống thu gom và xử lý chất thải; bố trí nhân viên quản lý, vận hành và giám sát vận hành các hệ thống thu gom, xử lý chất thải. Khi HTXLNT tập trung gặp sự cố, nước thải được thu gom vào 01 bể sự cố có thể tích khoảng 297m³ với thời gian lưu nước 02 ngày, sau đó, bơm ngược lại về trạm xử lý nước thải tập trung để xử lý.

- Phòng cháy và chữa cháy: trang bị đầy đủ phương tiện, thiết bị phòng cháy chữa cháy; đảm bảo chất lượng và hoạt động theo phương án được cấp có thẩm quyền phê duyệt và các tiêu chuẩn về phòng cháy và chữa cháy.

- Sự cố tai nạn lao động: Lắp đặt bảng nội quy an toàn lao động; trang bị đầy đủ bảo hộ lao động; tuyên truyền, tập huấn nâng cao ý thức người lao động.
- Sự cố hóa chất: thực hiện các biện pháp phòng ngừa và ứng phó sự cố rò rỉ, tràn đổ hóa chất theo đúng quy định.

Danh mục các công trình bảo vệ môi trường chính của dự án

TT	Tên công trình	Thông số	Số lượng
1	Công trình xử lý khí thải		
1.1	Hệ thống thu bụi từ công đoạn mài để giày	02 Cyclon đường kính 1,6m, cao 4,5m; 2 quạt hút; hệ thống ống thu bụi và đầu thu bụi tại các máy mài.	2 hệ thống
1.2	Hệ thống hút mùi hơi keo, dung môi tại các xưởng	Gồm 10 chụp hút, 2 quạt hút, 2 bộ lọc khí than hoạt tính; 2 ống thoát khí đường kính 30cm cao 10m.	2 hệ thống
1.3	Hệ thống mùi hút nhà bếp	Gồm 4 chụp hút, 2 quạt hút, 2 bộ lọc khí; 2 ống thoát khí đường kính 30cm cao 10m.	2 hệ thống
2	Công trình thoát nước, xử lý nước thải		
2.1	Hệ thống thoát nước mưa	Chiều dài 950m	1 hệ thống
2.2	Hệ thống xử lý sơ bộ nước thải sản xuất	Công suất 10m ³ /ng.đ	1 hệ thống
2.3	Hệ thống xử lý nước thải tập trung	Công suất 150m ³ /ng.đ	1 hệ thống
3	Công trình/thiết bị thu gom, lưu giữ chất thải rắn		
3.1	Xây dựng kho chứa CTR	Diện tích 120m ²	1 kho
3.2	Xây dựng kho chứa CTNH	Diện tích 20m ²	1 kho
4	Công trình/thiết bị ứng phó sự cố môi trường		
4.1	Hệ thống PCCC	Theo thiết kế được thẩm duyệt	1 hệ thống
4.2	Hệ thống chống sét	Bán kính thu sét 120m	1 hệ thống
4.3	Bể sự cố	Thể tích 297m ³	1 bể

5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của chủ dự án

- Theo quy định tại Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP, dự án Nhà máy giày Cẩm Ngọc tại xã Cẩm Ngọc, huyện Cẩm Thủy, tỉnh Thanh Hóa của

Công ty cổ phần phát triển PMT có tổng lưu lượng nước thải là 109,0 m³/ngày.đêm không thuộc đối tượng bắt buộc phải thực hiện quan trắc nước thải.

- Theo quy định tại Điều 98 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP, dự án Nhà máy giầy Cẩm Ngọc tại xã Cẩm Ngọc, huyện Cẩm Thủy, tỉnh Thanh Hóa của Công ty cổ phần phát triển PMT có tổng lưu lượng xả bụi, khí thải là 30.000 m³/giờ không thuộc đối tượng bắt buộc phải thực hiện quan trắc khí thải.

- Tuy nhiên, khuyến khích Công ty thực hiện chương trình quản lý và giám sát môi trường để tự theo dõi, giám sát hệ thống xử lý nước thải, khí thải của Dự án, cụ thể như sau:

*** Giám sát chất lượng nước thải:**

+ Tần suất: 3 tháng/lần;

+ Vị trí: 01 mẫu nước thải đầu ra tại bể chứa nước thải sau xử lý trước khi tái sử dụng/thải ra môi trường;

+ Chỉ tiêu giám sát: pH, COD, BOD₅, TSS, NH₄⁺, Tổng P, Tổng N, Dầu mỡ động thực vật, Coliform;

+ Quy chuẩn áp dụng: QCVN 40:2011/BTNMT (Cột B) - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp.

*** Giám sát chất lượng môi trường không khí, tiếng ồn:**

+ Tần suất: 3 tháng/lần;

+ Vị trí: 01 mẫu khí thải tại ống thoát khí sạch sau hệ thống quạt hút và xử lý hơi keo, hơi dung môi;

+ Chỉ tiêu giám sát: bụi tổng; NH₃, H₂S, Benzen, Toluen, Axeton, Ethylacetate; Iso heptane.

+ Quy chuẩn áp dụng: QCVN 02:2019/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bụi - Giá trị giới hạn tiếp xúc của bụi tại nơi làm việc; QCVN 03:2019/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép của 50 yếu tố hóa học tại nơi làm việc; QCVN 19:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ (cột B).

6. Các điều kiện có liên quan đến môi trường:

- Thực hiện đầy đủ các nội dung trong quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường.

- Trong quá trình chuẩn bị, triển khai thực hiện dự án đầu tư trước khi vận hành, trường hợp có thay đổi so với quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường, chủ dự án đầu tư có trách nhiệm thực hiện theo đúng quy định tại Khoản 4, Điều 37, Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 và Điều 27, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

- Công khai báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt kết quả thẩm định theo quy định tại Điều 114 của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

- Tuân thủ các quy định hiện hành về môi trường, đất đai, xây dựng; tài nguyên, lâm nghiệp; an ninh, quốc phòng; bảo tồn đa dạng sinh học; khai thác, xả nước thải vào nguồn nước; các quy định về phòng cháy chữa cháy, ứng cứu sự cố và các quy định pháp luật khác có liên quan trong quá trình thực hiện dự án nhằm ngăn ngừa, giảm thiểu những rủi ro cho môi trường.

- Đảm bảo tính chính xác và chịu trách nhiệm trước pháp luật về các thông tin, số liệu và kết quả tính toán trong báo cáo đánh giá tác động môi trường.

- Thực hiện yêu cầu khác theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường./.